

Số: /BC-CTK

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 02 NĂM 2024**

Tháng 02/2024 là tháng có tết Nguyên đán Giáp Thìn, tết Nguyên tiêu, ngày Lễ Tình nhân, ngày Vía Thần Tài cùng nhiều sự kiện khác nên người dân tập trung tiêu dùng nhiều hàng hóa, dịch vụ cho gia đình, cho biếu người thân, sử dụng cho việc cưới hỏi; nhu cầu vui chơi, giải trí, du lịch của người dân cũng tăng cao; ... Mặt khác, kinh tế phục hồi và phát triển khá; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người có công tăng khá so với cùng kỳ nhờ áp dụng mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp, các chế độ ưu đãi theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP; ... góp phần gia tăng sức cầu tiêu dùng.

Thị trường hàng hóa, dịch vụ trong tháng rất sôi động đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong dịp Tết của người dân sở tại và du khách đến tỉnh. Tuy nhiên, do thời gian nghỉ Tết kéo dài đã ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất công nghiệp, nhất là các cơ sở sử dụng số đông lực lượng lao động.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 02 và hai tháng đầu năm 2024 như sau:

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

**1. Tài chính - ngân hàng**

*Cán cân thu, chi ngân sách được địa phương theo dõi kiểm soát thường xuyên và đảm bảo. Tình hình thanh khoản của các tổ chức tín dụng trên địa bàn được đảm bảo, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn cho nền kinh tế, nhu cầu rút tiền gửi của người dân, doanh nghiệp và những nhu cầu cần thanh toán bằng tiền khác.*

**1.1. Thu - Chi ngân sách:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hai tháng đầu năm 2024 ước thực hiện được 1.773,8 tỷ đồng, đạt 29,82% dự toán năm, tăng 36,87% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 29,8 tỷ đồng, đạt 59,08% dự toán năm nhưng giảm 64% so với cùng kỳ. Hầu hết các khoản thu nội địa đều tăng so với cùng kỳ năm trước như: Thu xổ số kiến thiết đạt 41,11% dự toán năm và tăng 233%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương đạt 20,42% và tăng 42,6%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 52,96% dự toán năm và tăng 32,64%; thu tiền sử dụng đất đạt 15,58% dự toán và tăng 15,94%; thu phí, lệ phí đạt 28% dự toán và tăng 15,46%; ...

Ước tổng chi ngân sách hai tháng đầu năm 2024 được 1.325,6 tỷ đồng, đạt 11,98% dự toán năm và tăng 45,57% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển được 390,1 tỷ đồng, đạt 8,9% dự toán và tăng 88,39%; chi thường xuyên được 886,7 tỷ đồng, đạt 14,25% dự toán và tăng 26,03% so với cùng kỳ năm trước.

## **1.2. Ngân hàng:**

Trong tháng, chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh đã triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ đạo của Chính phủ và các chính sách của ngành Ngân hàng trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2024. Đã ban hành Kế hoạch số 87/KH-VIL.TH ngày 19/01/2024 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2024, Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ. Triển khai và ban hành văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện việc tăng cường các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát các hành vi vi phạm làm phát sinh nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn, đảm bảo an toàn kho quỹ ngân hàng dịp Tết Nguyên đán và những tháng đầu năm 2024, tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro đối với mở và sử dụng tài khoản thanh toán, ví điện tử; ...

Trong tháng, các tổ chức tín dụng chấp hành đúng quy định về trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND và huy động bằng VND đối với loại tiền gửi dưới 6 tháng và tiền gửi bằng USD của Ngân hàng Nhà nước. Đối với lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên ổn định so với cuối năm 2023. Tình hình lãi suất hiện cụ thể như sau:

- *Lãi suất huy động bằng VND*: Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng, từ 0,1 - 0,5%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, từ 1,9 - 4,2%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, từ 3 - 5%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức từ 4 - 5,2%/năm.

- Lãi suất huy động bằng USD vẫn duy trì mức trần 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

- *Lãi suất cho vay*: Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên tại Ngân hàng thương mại là 4%/năm, tại Quỹ tín dụng nhân dân là 5%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường phổ biến: Ngắn hạn 4,8 - 9%/năm; trung, dài hạn ở mức 6 - 11%/năm.

Số dư nguồn vốn huy động trên địa bàn ước tính đến cuối tháng 02/2024 đạt 50.600 tỷ đồng, giảm 0,76% so với cuối năm 2023; trong đó tiền gửi tiết kiệm đạt 36.900 tỷ đồng, chiếm 72,92% trên tổng số dư nguồn vốn huy động, tăng 2,25% so với cuối năm 2023.

Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn ước tính đến cuối tháng đạt 46.500 tỷ đồng, giảm 0,8% so với cuối năm 2023; trong đó dư nợ cho vay trung, dài hạn ước đạt 18.000 tỷ đồng, chiếm 38,7% trên tổng dư nợ cho vay, tăng 0,94% so với cuối năm 2023.

Ước tính đến cuối tháng 02/2024, nợ xấu trên địa bàn toàn tỉnh là 1.310 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chiếm 2,82% trên tổng dư nợ cho vay; giảm 0,04 điểm phần trăm so với cuối năm 2023.

Triển khai thực hiện Thông tư số 02/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn: Đến cuối tháng 01/2024, có 56 khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, dư nợ gốc và nợ lãi được cơ cấu là 132 tỷ đồng.

## **2. Chỉ số giá, lạm phát**

*Tháng 02/2024 trùng với thời gian trước, trong và sau Tết Nguyên đán nên nhu cầu mua sắm, vui chơi, giải trí, du lịch và nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân tăng cao; hàng hóa, dịch vụ phục vụ thị trường Tết rất đa dạng, phong phú, đáp ứng đầy đủ yêu cầu, thị hiếu của người dân. Công tác quản lý giá được các ngành chức năng kiểm soát tốt nên giá cả hàng hóa tương đối ổn định, không có hiện tượng khan hàng, sốt giá. Tuy nhiên, do nhu cầu tăng cao nên phần lớn các mặt hàng lương thực, thực phẩm, thủy hải sản tươi sống, rau quả tươi, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, ... đều có giá tăng khá so với tháng trước; bên cạnh đó, giá xăng dầu cũng được điều chỉnh tăng đã góp phần làm tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index).*

CPI tháng 02/2024 tăng 1,09% so với tháng trước; trong đó khu vực thành thị tăng 1,48%, khu vực nông thôn tăng 0,96%.

Sau hai tháng (tức tháng 02/2024 so với tháng 12/2023) CPI tăng 1,69%, cao hơn tốc độ tăng CPI cùng kỳ 0,59 điểm phần trăm. CPI bình quân trong hai tháng đầu năm 2024 tăng 2,04% so với cùng kỳ, thấp hơn 1,5 điểm phần trăm so với số liệu tương ứng của năm 2023. CPI bình quân hai tháng của 22/32 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng so với cùng kỳ tác động làm tăng CPI chung, trong đó ảnh hưởng lớn là: Lương thực tăng 17,65%; lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 14,03%; dịch vụ khám sức khỏe tăng 10,98%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 10,75%; điện và dịch vụ điện tăng 10,12%; nhóm nhà ở tăng 4,96%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,4%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 4,09%; hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 2,48%; đồ dùng học tập và văn phòng tăng 2,27%; nhóm dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,99%; may mặc tăng 1,62%; rượu bia tăng 1,57%; ...

**\* Chỉ số giá vàng và Dollar Mỹ:** Trong tháng giá vàng thường xuyên biến động theo xu hướng chung của thị trường trong nước và thế giới, Dollar Mỹ tăng nhẹ. Chỉ số giá vàng tháng 02/2024 tăng 1,58% so với tháng trước và tăng 3,86% so với tháng 12/2023; Dollar Mỹ tăng 0,37% so với tháng trước và tăng 0,81% so với tháng 12/2023. Bình quân trong hai tháng đầu năm 2024 chỉ số giá vàng tăng 16,23%, Dollar Mỹ tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước.

### 3. Đầu tư

*Tháng 02/2024 là tháng có Tết Nguyên đán nên hầu hết các công trình tạm ngưng hoạt động với thời gian khá dài; bên cạnh đó, các công trình mới được bố trí vốn năm 2024 chỉ đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ, thủ tục xây dựng cơ bản nên chưa được khởi công. Vì vậy, vốn đầu tư thực hiện trong tháng chủ yếu vẫn là các công trình chuyển tiếp của năm 2023. Các cấp đã tập trung chỉ đạo quyết liệt nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ các công trình; trong đó, tập trung khâu bồi hoàn, giải phóng mặt bằng.*

Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý trong tháng 02/2024 ước tính đạt 177,1 tỷ đồng, giảm 30,34% so với tháng trước và giảm 37,35% so với cùng tháng năm trước.

Tiếp tục thi công các công trình chuyển tiếp của năm 2023 như: Đề bao chống ngập thành phố Vĩnh Long - khu vực sông Cái Cá; Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long; Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Vĩnh Long; Dự án đường tỉnh 902 (đoạn từ cầu Mỹ An - cầu Vững Liêm), huyện Mang Thít và huyện Vũng Liêm; Kè sạt lở bờ sông Long Hồ, khu vực phường 1, phường 5, thành phố Vĩnh Long; Dự án Đường từ Quốc lộ 53-Khu công nghiệp Hòa Phú (đường tỉnh 909B-Đường Phú Lộc-Bầu Gốc)-Quốc lộ 1A, tỉnh Vĩnh Long; Kè chống sạt lở bờ sông Cái Vồn Lớn và sông Cái Vồn Nhỏ xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh; Trụ sở làm việc Đảng bộ khối cơ quan, doanh nghiệp và Ban tuyên giáo Tỉnh ủy; Dự án kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long; ...

Lũy kế trong hai tháng đầu năm, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý thực hiện 431,3 tỷ đồng, đạt 10,14% kế hoạch năm, giảm 18,07% so với cùng kỳ năm 2023. Tiến độ thực hiện vốn cao hơn cùng kỳ năm trước 0,39 điểm phần trăm.

Trong tháng không có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép mới và đăng ký bổ sung vốn. Lũy kế hai tháng đầu năm 2024, có 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép mới, hoạt động ngành dịch vụ bưu chính chuyên phát, thuộc nhà đầu tư Singapore với số vốn đăng ký là 1,28 triệu USD.

### 4. Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

*Trong tháng, điều kiện thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt. Giá nhiều loại rau màu, trái cây, sản phẩm chăn nuôi và thủy sản có tăng khá thời điểm trước và trong dịp Tết Nguyên đán; tuy nhiên, sau Tết nhu cầu tiêu dùng giảm đã ảnh hưởng đến tình hình đầu ra một số loại nông sản gặp khó khăn.*

#### 4.1. Trồng trọt

##### a) Cây lúa:

Lúa đông xuân 2023 - 2024: gieo trồng được 38.187 ha, đạt 95,47% kế hoạch và giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Do chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng cao nên một số vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhiều diện tích đất trồng lúa đã chuyển sang trồng màu và cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao hơn, vì vậy diện tích lúa đông xuân năm nay giảm so với cùng vụ năm trước. Hiện lúa đang ở giai đoạn đòng trổ 5.855 ha, chắc xanh đến chín 30.356 ha và đã thu hoạch 1.976 ha. Trà lúa thu hoạch sớm có nhiều sâu bệnh phát sinh gây hại nên năng suất thu hoạch đạt thấp và giảm so với cùng kỳ năm trước; ước tính sản lượng trên diện tích đã thu hoạch đạt 12.139 tấn với năng suất bình quân 61,44 tạ/ha, giảm 7,53% hay giảm 5 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước.

Lúa hè thu năm 2024: tính đến 15/02/2024 đã xuống giống được 1.517 ha, đạt 4,3% kế hoạch, tăng 17,05% hay tăng 221 ha so với cùng kỳ năm trước. Hiện lúa đang ở giai đoạn mạ 110 ha, đẻ nhánh 1.407 ha; lúa phát triển tốt, sâu bệnh phát sinh nhưng không đáng kể.

##### b) Cây màu (các loại cây hàng năm khác ngoài lúa):

Ước tính trong tháng gieo trồng được 2.312,4 ha rau màu (trong đó màu xuống ruộng được khoảng 1.812 ha), tăng 1,18% hay tăng 26,9 ha so với cùng tháng năm trước; lũy kế hai tháng đầu năm, diện tích gieo trồng cây màu được 6.004,8 ha, tăng 36,87% hay tăng 1.617,7 ha so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế từ đầu năm đến nay đã gieo trồng được 270,7 ha ngô (bắp), tăng 20,65% so cùng kỳ năm trước; 89,3 ha khoai lang, tăng 26,02%; 37,5 ha mía, tăng 4,72%; 5.560,3 ha rau các loại, tăng 38,34%; 38,5 ha đậu các loại, tăng 30,24%; ... Ước sản lượng thu hoạch đến ngày 15/02/2024 được 546 tấn ngô (bắp), giảm 11,2% so cùng kỳ năm trước; 4.336,3 tấn khoai lang, tăng 236%; 1.441,6 tấn mía, tăng 2,45%; 89.931,5 tấn rau các loại, tăng 38,02%; 53,6 tấn đậu các loại, tăng 24,88%; ...

Hầu hết các loại cây màu đều có diện tích gieo trồng tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mặt hàng khoai lang đã được cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nên nhu cầu tăng, kéo theo diện tích trồng khoai tăng; rau các loại có thời gian sinh trưởng ngắn, giá bán ổn định, dễ trồng, không cần nhiều kỹ thuật nên nông dân đầu tư sản xuất quanh năm, nhất là người dân tập trung trồng nhiều để phục vụ thị trường Tết; ... Do nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán nên giá bán nhiều loại rau màu có xu hướng tăng phổ biến từ 3-10% so với tháng trước.

##### c) Cây lâu năm:

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn tỉnh hiện có 3.213,7 ha cây lâu năm bị nhiễm sâu bệnh, giảm 26,33% hay giảm 1.149 ha so với cùng thời điểm năm trước (trong đó, diện tích nhãn bị nhiễm bệnh chổi rồng là 85,3 ha, giảm 252 ha). Nhìn chung các loại dịch bệnh chỉ xuất hiện rải rác, gây hại ở mức độ nhẹ; được người dân phòng trị kịp thời nên không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng, năng suất và phẩm cấp sản phẩm.

Trong tháng nhiều sản phẩm trái cây như: xoài các loại, chuối các loại, đu đủ, sầu riêng, mít Thái, mận, bưởi các loại, nhãn các loại, ... giá bán tăng phổ biến từ 5-30% so với tháng trước. Nguyên nhân tăng là do nhu cầu trái cây tiêu dùng nội địa tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn; bên cạnh đó, một số loại trái cây đã hết vụ thu hoạch, nguồn cung giảm mạnh dẫn đến giá bán tăng.

Nhìn chung, phong trào trồng cây lâu năm trên địa bàn toàn tỉnh đang có xu hướng phát triển nâng cao về chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

#### **4.2. Chăn nuôi**

Từ đầu năm đến nay, phát hiện 03 ổ dịch tả heo Châu Phi tại xã Thuận Thới, xã Vĩnh Xuân và xã Trà Côn thuộc huyện Trà Ôn, đã tiêu hủy toàn bộ 52 con heo bệnh với tổng trọng lượng 4.885 kg.

Ước tính đến ngày 15/02/2024 đàn heo của tỉnh có 188.376 con, giảm 5,57% hay giảm 11.106 con so với cùng kỳ năm trước; đàn bò có 73.135 con, giảm 1,77% hay giảm 1.317 con; đàn gia cầm có 11.328 nghìn con, tăng 1,68% hay tăng 187 nghìn con, trong đó đàn gà có 7.936 nghìn con, tăng 1,75% hay tăng 136 nghìn con.

Tình hình chăn nuôi heo gặp nhiều khó khăn do giá heo hơi giảm liên tục trong thời gian qua, trong khi giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao; bên cạnh đó, tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi vẫn còn diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương trong tỉnh, do đó người chăn nuôi chưa mạnh dạn tái đầu tư. Trong thời gian tới, để ổn định thị trường sản xuất và tiêu thụ thịt heo, ổn định giá cả, ngành chức năng cần phải theo dõi sát mọi diễn biến về cung cầu trên thị trường; thực hiện quyết liệt đồng thời nhiều biện pháp, chính sách chống đầu cơ, thao túng giá, đảm bảo quyền lợi của người chăn nuôi và người tiêu dùng; xử lý nghiêm các trường hợp mua bán, vận chuyển heo trái phép, không rõ nguồn gốc làm gia tăng nguy cơ lây lan các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn heo trong tỉnh.

Tiêm phòng đợt I năm 2024 (lũy kế) được: 8.299 liều lở mồm long móng trên heo; 2.377 liều tai xanh trên heo; 290 liều dịch tả heo Châu Phi; 1.700 liều lở mồm long móng trên trâu, bò; 5.250 liều viêm da nổi cục trên bò; 15 liều dại chó; tiêm phòng vaccine cúm gia cầm 1.028.767 liều. Ngoài ra các cơ sở chăn nuôi tự tiêm vaccine cúm cho 511.390 con gia cầm.

#### **4.3. Thủy sản**

Toàn tỉnh hiện có 2.078 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng 0,22% hay tăng 4,52 ha so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích nuôi cá tra công nghiệp là 370,8 ha, tăng 0,11% hay tăng 0,42 ha. Hiện nay giá cá tra nguyên liệu đang tăng trở lại và nghề nuôi cá tra xuất khẩu có xu hướng phục hồi trong thời gian tới.

Trong tháng là thời điểm có Tết Nguyên đán nên nhu cầu tiêu dùng tăng cao; giá cá thương phẩm ổn định ở mức khá cao; một số loại cá đang vào vụ thu hoạch, trong đó có cá điêu hồng nuôi lồng bè đến kỳ thu hoạch rõ góp phần làm cho diện tích nuôi và sản lượng thu hoạch các loại cá tăng khá.

Ước tính hai tháng đầu năm 2024, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt 18.576 tấn, tăng 1,87% hay tăng 341 tấn so với cùng kỳ năm trước; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 17.652 tấn, tăng 1,9% hay tăng 329 tấn. Riêng cá tra nuôi công nghiệp đạt 10.002 tấn, tăng 1,02%.

Toàn tỉnh hiện có 210 cơ sở nuôi cá lồng, bè với 1.651 lồng, bè, tăng 11 chiếc; trong đó hiện đang thả nuôi 1.168 chiếc, tăng 22 chiếc so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cá lồng, bè hai tháng đầu năm 2024 ước được 2.669 tấn, so cùng kỳ tăng 2,99% hay tăng 77,6 tấn. Vùng nuôi cá lồng, bè tập trung chủ yếu các xã cù lao thuộc huyện Long Hồ và thành phố Vĩnh Long. Hiện nay, giá bán thức ăn thủy sản giảm, người nuôi thay đổi giống và đa dạng các loại cá khác ngoài cá điêu hồng như cá lăng nha, cá cóc, cá he, cá chột, ... có giá trị kinh tế cao hơn và cho năng suất cao, tỷ lệ hao hụt thấp; bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết tăng cao trong khi các bè cá cũng đã đến kỳ thu hoạch góp phần làm cho sản lượng cá lồng, bè tăng cao.

### **5. Sản xuất công nghiệp**

*Tháng 02/2024 trùng vào thời điểm có tết Nguyên đán Giáp Thìn nên các doanh nghiệp sắp xếp cho người lao động nghỉ Tết với thời gian khá dài. Vì vậy thời gian sản xuất trong tháng bị rút ngắn đã tác động làm cho chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng giảm mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production) tháng 02/2024 ước tính giảm 27,21% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai khoáng giảm 8,56%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 28,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt giảm 16,01%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,82%. So với cùng tháng năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02/2024 giảm 10,4%, trong đó ngành khai khoáng giảm 81,85%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 11,51%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 3,09%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 4,01%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tính chung trong hai tháng đầu năm 2024 tăng 16,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,45%, đóng góp vào IIP chung 15,54 điểm phần trăm; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 15,11%, đóng góp 0,59 điểm phần trăm; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 10,42%, đóng góp 0,28 điểm phần trăm. Riêng ngành khai khoáng giảm 84,17%, kéo giảm IIP chung 0,22 điểm phần trăm.

Một số ngành công nghiệp có mức sản xuất trong hai tháng tăng mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 70,53%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 37,35%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 34,42%; sản xuất trang phục tăng 24,35%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 22,2%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,65%; sản xuất đồ uống tăng 16,77%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 15,27%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 14,17%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 8,84%; ...

## **6. Thương mại, dịch vụ**

### **6.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

*Tháng 02/2024 trùng vào thời gian trước, trong và sau tết Nguyên đán Giáp Thìn; có tết Nguyên tiêu, ngày Lễ Tình nhân cùng nhiều sự kiện khác nên người dân tập trung mua sắm, tiêu dùng nhiều hàng hóa cho gia đình và tặng biếu người thân góp phần làm cho sức mua thị trường tăng rất mạnh. Nguồn cung hàng hóa trên thị trường rất dồi dào, đa dạng và phong phú đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người tiêu dùng nên không có hiện tượng khan hàng, sốt giá trong dịp tết Nguyên đán.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.182,5 tỷ đồng, tăng 14,25% so với tháng trước; trong đó bán lẻ hàng hóa (thương nghiệp bán lẻ) tăng 13,82%, dịch vụ lưu trú và ăn uống (khách sạn - nhà hàng) tăng 15,11%, du lịch lữ hành tăng 15,67% và dịch vụ khác tăng 15,24%.

So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 27,35%; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 29,93%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 26,7%, du lịch lữ hành tăng 29,38% và dịch vụ khác tăng 18,59%. Nếu loại trừ biến động giá (CPI tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 24,45%.

Tính chung trong hai tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 11.593,8 tỷ đồng, tăng 14,98% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 16,42%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 15,63%, du lịch lữ hành tăng 14,3% và dịch vụ khác tăng 9,19%. Nếu loại trừ biến động giá (bình quân hai tháng đầu năm 2024 tăng 2,04% so với cùng kỳ) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 12,68%.

Khách lưu trú trong tháng 02/2024 ước đạt 172,7 nghìn lượt, tăng 18,24% so với tháng trước và tăng 37,21% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế trong hai tháng đầu năm, khách lưu trú ước đạt 318,7 nghìn lượt, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch theo tour trong tháng ước đạt 16 nghìn lượt, tăng 12,73% so với tháng trước và tăng 36,1% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong hai tháng đầu năm, khách du lịch theo tour đạt 30,2 nghìn lượt, tăng 9,39% so với cùng kỳ năm trước.

Là tháng có Tết và nhiều lễ, hội nên nhu cầu du lịch tiếp tục tăng cao. Hoạt động du lịch lữ hành năm 2024 có sự phục hồi khá mạnh mẽ nhờ dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; hạ tầng đô thị thông thoáng, mỹ quan hơn; tác động tích cực từ nhiều sự kiện, lễ hội được tổ chức; ... Hơn nữa, các ngành, các doanh nghiệp đã tích cực triển khai thực hiện tốt chương trình, kế hoạch phục hồi và phát triển hoạt động du lịch của tỉnh.



## 6.2. Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng, các đơn vị sản xuất cho người lao động nghỉ tết Nguyên đán với thời gian khá dài nên sản lượng xuất khẩu, nhập khẩu đều giảm so với tháng trước. Tuy nhiên, trong hai tháng đầu năm, hoạt động xuất khẩu của tỉnh đã phục hồi mạnh mẽ do tình hình kinh tế phục hồi và phát triển khá nên nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu đều tăng trở lại.

- **Xuất khẩu:** Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh trong tháng 02/2024 ước đạt 52 triệu USD, giảm 28,41% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng tháng năm trước.

Tính chung trong hai tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 124,7 triệu USD, tăng 35,15% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều mặt hàng có mức xuất khẩu tăng mạnh đã góp phần làm tăng tổng kim ngạch xuất khẩu chung, trong đó đáng kể là: Giày da tăng 32,44%, đóng góp vào tổng kim ngạch xuất khẩu chung 20,63 điểm phần trăm; phương tiện vận tải và phụ tùng xuất khẩu gấp 4,86 lần cùng kỳ, đóng góp 17,76 điểm phần trăm; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù tăng 58,92%, đóng góp 1,81 điểm phần trăm; hàng rau quả tăng 41,81%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; sản phẩm gốm sứ tăng 12,11%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ...

- **Nhập khẩu:** Tổng trị giá nhập khẩu trong tháng ước đạt 27,6 triệu USD, giảm 5,62% so với tháng trước và giảm 31,7% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế hai tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 56,9 triệu USD, giảm 4,97% so cùng kỳ năm trước.

## 6.3. Vận tải, bưu chính chuyển phát

Là tháng có tết Nguyên đán nên nhu cầu đi lại, vui chơi, giải trí của người dân tăng cao; bên cạnh đó, các ngành tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ thị trường Tết nên sản lượng hàng hóa vận chuyển tăng cao góp phần làm cho tình hình kinh doanh vận tải của địa phương tăng mạnh so với tháng trước.

- **Vận tải hành khách:** Trong tháng ước tính vận chuyển được 3.680 nghìn lượt khách với 92,4 triệu HK.Km; so với tháng trước tăng 9,98% về hành khách vận chuyển và tăng 10,79% về hành khách luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 31,43% về hành khách vận chuyển và tăng 35,13% về hành khách luân chuyển.

Tính chung trong hai tháng đầu năm, toàn tỉnh đã vận chuyển được 7,03 triệu lượt khách với 175,9 triệu HK.Km, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17,25% về hành khách vận chuyển và tăng 17,32% về hành khách luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ thực hiện được 5,1 triệu lượt khách với 172,2 triệu HK.Km, tăng 17,1% về hành khách vận chuyển và tăng 17,31% về hành khách luân chuyển.

- **Vận tải hàng hóa:** Trong tháng ước tính vận chuyển được 373 nghìn tấn với 41 triệu Tấn.Km; so với tháng trước tăng 7,87% về hàng hóa vận chuyển và tăng 8,09% về hàng hóa luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 17,14% về hàng hóa vận chuyển và tăng 16,89% về hàng hóa luân chuyển.

Tính chung trong hai tháng đầu năm, vận chuyển được 718,6 nghìn tấn với 79 triệu Tấn.Km, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 11,02% về hàng hóa vận chuyển và tăng 10,92% về hàng hóa luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ đạt 393,6 nghìn tấn với 45,1 triệu Tấn.Km, tăng 12,13% về hàng hóa vận chuyển và tăng 12,16% về hàng hóa luân chuyển.

- **Doanh thu vận tải:** Ước tính doanh thu vận tải tháng 02/2024 đạt 170 tỷ đồng, tăng 9,21% so với tháng trước và tăng 26,48% so cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 85,9 tỷ đồng tăng 10,51% so với tháng trước và tăng 37,27% so cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 75,3 tỷ đồng tăng 7,89% so với tháng trước và tăng 17,44% so cùng kỳ năm trước; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 8,8 tỷ đồng, tăng 7,99% so với tháng trước và tăng 14,29% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong hai tháng đầu năm, doanh thu vận tải ước đạt 325,7 tỷ đồng, tăng 14,85% so cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 163,6 tỷ đồng, tăng 18,75%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 145,1 tỷ đồng, tăng 11,26%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 17 tỷ đồng, tăng 10,41% so cùng kỳ năm trước.

- **Bưu chính chuyển phát:** Doanh thu bưu chính chuyển phát (đã bao gồm Tập đoàn và Tổng công ty do Trung ương phân bổ) trong tháng ước đạt 35,8 tỷ đồng, tăng 8,37% so với tháng trước và tăng 24,31% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong hai tháng đầu năm, doanh thu bưu chính chuyển phát đạt 68,8 tỷ đồng, tăng 14,95% so với cùng kỳ năm trước.

## II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

*Trong tháng, công tác thăm hỏi trao quà tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 được các cấp chính quyền, đoàn thể, nhà hảo tâm thực hiện trong những ngày trước Tết, góp phần đảm bảo chu toàn, công tác an sinh xã hội, chính sách chăm lo cho người có công; chăm lo sức khỏe cộng đồng, công tác trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, tạo điều kiện tốt phục vụ Nhân dân đón Xuân vui tươi ấm áp.*

### 1. Đời sống dân cư

Số lượng người di chuyển trước, trong và sau tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 tăng cao, do người lao động đi làm ăn xa lần lượt trở về quê để đón Tết và sau đó trở lại các tỉnh và thành phố lớn để làm việc. Nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông Công an tỉnh đã triển khai đồng bộ các biện pháp, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát trên các tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về tai nạn giao thông, vì vậy tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh luôn được giữ vững ổn định. Bên cạnh đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh theo dõi sát sao diễn biến thị trường lao động, nắm bắt kịp thời tình hình người lao động trở lại làm việc sau kỳ nghỉ Tết tại các doanh nghiệp; tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường cho những lao động có nhu cầu cần việc làm, thực hiện tốt chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, ...

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai tuyên truyền, vận động, khảo sát nhu cầu, chuẩn bị hồ sơ tổ chức mở lớp đào tạo nghề cho người lao động. Trong tháng, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh cho 1.609 người; lũy kế tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 3.267 người. Góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66,15%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 22,43%.

Giải quyết việc làm mới cho 1.686 lao động, trong đó đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 130 lao động. Lũy kế giải quyết việc làm mới cho 3.578 lao động, đạt 17,89% kế hoạch năm. Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho 1.290 lao động, với số tiền 74.432 triệu đồng (trong đó 18 lao động đi làm việc ở nước ngoài với số tiền 1.356 triệu đồng). Hỗ trợ chi phí ban đầu cho 01 người lao động đi làm việc ở nước với số tiền 5,07 triệu đồng.

*Trung tâm Dịch vụ Việc làm:* Tư vấn giới thiệu việc làm cho 6.408 lượt người, giới thiệu việc làm cho 63 người. Lũy kế tư vấn giới thiệu việc làm cho 11.492 lượt người; giới thiệu việc làm được 126 lượt người. Tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 4.782 lượt người, có 512 người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; ban hành 644 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề cho 148 lao động thất nghiệp. Lũy kế tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 10.360 lượt người, có 1.174 người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 1.589 người, hỗ trợ học nghề 255 người lao động.

Thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Hỗ trợ 46.018 phần quà tết cho gia đình chính sách người có công với cách mạng với số tiền 12.985,3 triệu đồng. Lũy kế, vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa tỉnh đạt 13.075 triệu đồng, hỗ trợ khó khăn đột xuất, tặng quà dịp Tết Nguyên đán cho 242 đối tượng là người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ với số tiền 189,5 triệu đồng..

Quỹ Bảo trợ trẻ em trong tháng vận động được 271 triệu đồng; hỗ trợ 160 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật với số tiền 208 triệu đồng.

Quỹ an sinh xã hội tỉnh đã vận động được 500 triệu đồng, hỗ trợ 03 căn nhà cho hộ cận nghèo với số tiền 150 triệu đồng.

## **2. Giáo dục - đào tạo**

Ngành Giáo dục tiếp tục hỗ trợ việc thực hiện Chuyên đề, Chủ đề năm học gắn với phong trào thi đua “Xây dựng trường học hạnh phúc”. Giám sát, hỗ trợ việc thực hiện các dịch vụ giáo dục tại các đơn vị.

Tổ chức Hội nghị sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2023-2024. Theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu năm học đối với 8 đơn vị. Hướng dẫn, đôn đốc các biện pháp thực hiện nhiệm vụ đối với các chỉ tiêu trong học kỳ II.

Tham mưu ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm định chất lượng năm 2024. Rà soát, đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề

nghiệp - giáo dục thường xuyên năm 2024 (tính đến nay, toàn tỉnh có 274/385 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 71,17%. Trong đó: Mầm non 79 trường; Tiểu học 116 trường; THCS 63 trường; THPT 16 trường).

Tham gia Hội thi Khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học vòng toàn quốc; phối hợp tổ chức kì thi chọn học sinh giỏi THCS cấp tỉnh (ra đề, chấm thi); phối hợp tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh năm 2024; tổ chức Hội thi Hùng biện Tiếng Anh bậc trung học.

### **3. Văn hóa - thể thao**

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp các đơn vị phục vụ hoạt động đón giao thừa mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024, công tác tuyên truyền cổ động trực quan mừng Đảng, mừng Xuân. Tổ chức bắn pháo hoa đón giao thừa Xuân Giáp Thìn năm 2024 cụm huyện Tam Bình và cụm huyện Mang Thít. Trang trí khánh tiết phục vụ các cuộc Họp mặt văn nghệ sĩ, Huấn luyện viên, Vận động viên, Kiều bào và thân nhân kiều bào mừng xuân Giáp Thìn năm 2024; Tổ chức liên hoan Nghệ thuật, văn nghệ họp mặt Kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (30/2/1930 - 30/2/2024), trao tặng huy hiệu Đảng đợt 3/2, Giải Búa liềm vàng năm 2023, khen thưởng tổ chức Đảng, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền, trao các danh hiệu khen cao; phục vụ họp mặt “Tết sum vầy, Xuân Giáp Thìn 2024” tại Nhà Văn hóa Lao động.

Xuân Giáp Thìn 2024 Đường Gốm đỏ và hoa tỉnh Vĩnh Long được Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập “con đường gốm đỏ và hoa dài nhất Việt Nam”.

Thực hiện 05 cuộc kiểm tra về tổ chức lễ hội; kinh doanh dịch vụ karaoke; hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet; hoạt động kinh doanh du lịch; cơ sở hoạt động lĩnh vực văn hóa, karaoke. Qua kiểm tra, chưa phát hiện vi phạm. Đồng thời đoàn kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở thực hiện nghiêm các quy định pháp luật khi hoạt động kinh doanh các lĩnh vực văn hóa, du lịch.

*Hoạt động thể thao:* Ban hành kế hoạch phát triển phong trào thể thao quần chúng tỉnh Vĩnh Long năm 2024. Phát động thi đua phong trào thể dục thể thao quần chúng tỉnh Vĩnh Long năm 2024; Phối hợp tổ chức các hoạt động: Hội khỏe phù đổng Sở Giáo dục và Đào tạo; hội thao Tết Quân dân tại phường Tân Hội; Tổ chức các giải: Bóng đá tập huấn hạng nhì Quốc gia; Giải Vô địch Lân Sư Rồng tỉnh Vĩnh Long tại Quảng trường Vĩnh Long.

### **4. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Trong tháng ghi nhận 66 trường hợp xác định dương tính với vi rút SARS-CoV-2; tích lũy ghi nhận 73 trường hợp, không có ca tử vong, so với cùng kỳ số ca mắc giảm 108 ca, tỷ lệ giảm 62% (174 ca).

Công tác tiêm vaccine phòng Covid-19:

- Trong tháng, thực hiện tiêm vắc xin cho 2 nhóm đối tượng: nhóm 18 tuổi đã tiêm được 9 mũi nhắc 1 và 57 mũi nhắc 2; nhóm 12-17 tuổi đã tiêm được 14 mũi 1, 84 mũi 2; 1.224 mũi 3.

- Trong tháng phát sinh 97 ca bệnh tiêu chảy, giảm 21,14% so cùng kỳ (giảm 26 ca); 1.109 ca viêm gan virus, tăng 92,87% so cùng kỳ (tăng 534 ca); 132 ca sốt xuất huyết, giảm 27,47% (giảm 50 ca); 129 ca bệnh tay chân miệng, tăng 148% (tăng 77 ca); 30 ca thủy đậu, tăng 5 lần; ... so với cùng kỳ năm trước. Riêng bệnh viêm não virus, sởi, cúm không phát sinh. Lũy kế từ đầu năm đến nay, phát sinh 161 ca bệnh tiêu chảy, tăng 30,89% (tăng 38 ca); 1.180 ca viêm gan virus, tăng 96,6% (tăng 580 ca); 268 ca sốt xuất huyết, giảm 34,95% (giảm 144 ca); 434 ca bệnh tay chân miệng, tăng 133% (tăng 248 ca); 50 ca thủy đậu, tăng 117,39% (tăng 27 ca).

Trong tháng, số trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ là 216 trẻ, tích lũy 694 trẻ (đạt 8,3%); Phụ nữ có thai tiêm VAT2<sup>+</sup> là 610, tích lũy 1.334 người (đạt 9,5%).

Các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho 279.022 lượt người, trong đó khám ngoại trú bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 87,75%. Lũy kế hai tháng đầu năm, các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho 572.001 lượt người, trong đó khám ngoại trú bảo hiểm y tế đạt 87,13%.

Trong tháng phát hiện 20 ca nhiễm HIV, lũy kế từ đầu năm đến nay phát hiện 36 trường hợp nhiễm mới, trong đó trẻ em <16 tuổi là 01 trường hợp; từ đầu năm đến nay không có bệnh nhân chuyển AIDS, không có ca tử vong. Lũy kế từ ca đầu tiên đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 4.153 ca nhiễm HIV; trong đó có 1.634 ca đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 875 ca AIDS đã tử vong.

Truyền thông, thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; kiểm tra, lấy mẫu thực phẩm, xử lý nghiêm trường hợp vi phạm hành chính đối với các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm. Trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

### **5. An toàn giao thông và trật tự an toàn xã hội**

Trong tháng, tổ chức tuần tra 1.199 cuộc, phát hiện 3.480 trường hợp vi phạm. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.289 trường hợp với tổng số tiền 3,7 tỷ đồng; tạm giữ 1.238 phương tiện các loại, tước có thời hạn 285 giấy phép lái xe.

Trong tháng 02/2024 (tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024) xảy ra 9 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 07 người, bị thương 08 người và thiệt hại tài sản khoảng 11,5 triệu đồng; so với tháng trước giảm 04 vụ, số người chết giảm 04 người, số bị thương giảm 02 người và thiệt hại tài sản giảm 35 triệu đồng; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 01 vụ, số người chết không tăng không giảm, số bị thương tăng 01 người và thiệt hại tài sản giảm 60,5 triệu đồng. Tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người, thiệt hại tài sản 90 triệu đồng; so với tháng trước số vụ không tăng không giảm, số người chết tăng 01 người, thiệt hại tài sản giảm 220 triệu đồng và so cùng kỳ năm 2023, số vụ tăng 01 vụ, số người chết tăng 01 người, thiệt hại tăng 90 triệu đồng.

Lũy kế hai tháng đầu năm đã xảy ra 22 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 18 người, bị thương 18 người; so với cùng kỳ năm trước tăng 07 vụ, số người chết tăng 04 người, số bị thương tăng 10 người. Xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đường thủy làm chết tăng 01 người.

Công tác phòng, chống cháy nổ được ngành Công an thường xuyên tổ chức kiểm tra, tuyên truyền và hướng dẫn, tập huấn bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các khu, tuyến công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, chợ và khu vực đông dân cư có nguy cơ dễ dẫn đến cháy, nổ. Trong tháng xảy ra 02 vụ cháy trên địa bàn thành phố Vĩnh Long thiệt hại tài sản khoảng 620 triệu đồng.

## **6. Vấn đề xã hội khác**

Trong tháng, đã xảy ra sạt lở 01 đoạn bờ bao sông Cổ Chiên - huyện Vũng Liêm, dài 20m, sâu vào bờ 5-6 m ước thiệt hại 34 triệu đồng và sạt lở 01 đoạn đê bao tại thị xã Bình Minh dài 08 m, ước thiệt hại 13,6 triệu đồng. Bên cạnh đó, cập nhật, bổ sung sạt lở trong tháng 01/2024: xảy ra 05 đoạn sạt lở tại huyện Long Hồ với chiều dài 140 m, chiều sâu >3m, ước thiệt hại 80 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay xảy ra sạt lở tại 07 điểm, dài 168 m với tổng thiệt hại ước 127,6 triệu đồng. Lũy kế đã khắc phục thiệt hại với số tiền 26,6 triệu đồng.

*Trung tâm Công tác Xã hội:* Hiện đang quản lý, chăm sóc 276 đối tượng. Trong tháng đón tiếp 117 lượt đoàn, cá nhân đến thăm, tặng quà cho đối tượng với tổng trị giá 776,2 triệu đồng. Lũy kế đón tiếp 179 lượt đoàn với số tiền 1.034,3.

Trong tháng, lực lượng Cảnh sát Môi trường các cấp đã tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện 24 vụ vi phạm bao gồm: 08 vụ khai thác cát sông trái phép, 08 vụ sử dụng xung điện đánh bắt thủy sản, 06 vụ vi phạm an toàn thực phẩm, 02 vụ vi phạm xả thải trái quy định. Tổng đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính 09 vụ, với số tiền xử phạt là 767,75 triệu đồng./.

### **Nơi nhận:**

- Tổng cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Lưu TH, VT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Hà Văn Ban**

# KINH TẾ - XÃ HỘI

## Hai tháng đầu năm 2024

### Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp hai tháng đầu năm 2024  
so với cùng kỳ năm trước (%)



↑ **16,19%** TOÀN NGÀNH



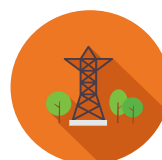
Khai khoáng

↓ **84,17%**



Chế biến, chế tạo

↑ **16,45%**



Điện, khí đốt, nước nóng

↑ **15,11%**



Cung cấp nước, xử lý  
rác thải, nước thải

↑ **10,42%**

### Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

Tổng số

431,3 Tỷ đồng

↓ **18,07%**

Trong đó:

Vốn ngân sách Nhà nước  
cấp tỉnh: 253,9

↓ **24,76%**

Vốn ngân sách Nhà nước  
cấp huyện: 177,4

↓ **6,13%**



so với cùng kỳ năm trước

## Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

### TỔNG SỐ

11.594 Tỷ đồng

↑ 14,98%

so với cùng kỳ năm trước

Bán lẻ hàng hóa



7.915 tỷ đồng

↑ 16,42%

Dịch vụ lưu trú,  
ăn uống



1.624 tỷ đồng

↑ 15,63%

Du lịch lữ hành



35 tỷ đồng

↑ 14,3%

Dịch vụ khác



2.020 tỷ đồng

↑ 9,19%

So với cùng kỳ năm trước

## Giao thông vận tải

### Vận tải hành khách

Vận chuyển

7.026 Nghìn hành khách ↑ 17,25%

Luân chuyển

176 Triệu hành khách.Km ↑ 17,32%



### Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

718,6 Nghìn tấn ↑ 11,02%

Luân chuyển

79 Triệu tấn.Km ↑ 10,92%

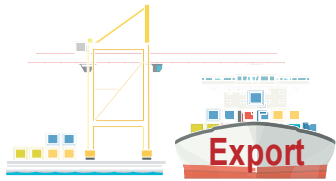




## Xuất - nhập khẩu hàng hóa

Hai tháng đầu năm 2024

Xuất khẩu hàng hóa



124,7 triệu USD

↑ 35,15%

Nhập khẩu hàng hóa



56,9 triệu USD

↓ 4,97%

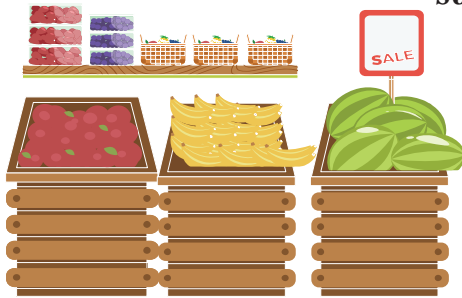
So với cùng kỳ năm trước

## Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

CPI

Chỉ số giá tiêu dùng  
bình quân 02 tháng năm 2024  
so với cùng kỳ năm trước

+ 2,04%



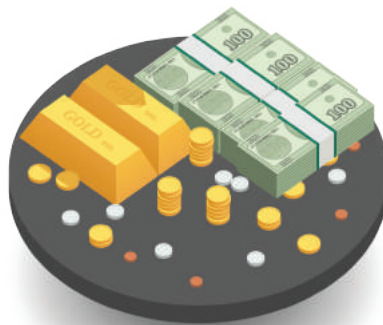
Tháng 02/2024  
so với tháng trước

+ 1,09%

Chỉ số giá vàng

Tháng 02/2024  
so với tháng trước  
+ 1,58%

Bình quân 02 tháng năm 2024  
so với cùng kỳ năm trước  
+ 16,23%



Chỉ số giá Đô la Mỹ

Tháng 02/2024  
so với tháng trước  
+ 0,37%

Bình quân 02 tháng năm 2024  
so với cùng kỳ năm trước  
+ 3,19%

**SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**Đến ngày 15 tháng 02 năm 2024**

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hằng năm (Ha)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	39.980,2	38.187,1	95,51
Lúa hè thu	1.296,0	1.516,9	117,05
<b>Một số loại cây khác</b>			
Ngô (bắp)	224,4	270,7	120,65
Khoai lang	70,9	89,3	126,02
Mía	35,8	37,5	104,72
Rau các loại	4.019,4	5.560,3	138,34
Đậu các loại	29,6	38,5	130,24
<b>Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	56.038,2	12.139,1	21,66
<b>Một số loại cây khác</b>			
Ngô (bắp)	614,8	546,0	88,80
Khoai lang	1.290,1	4.336,3	336,14
Mía	1.407,2	1.441,6	102,45
Rau các loại	65.157,3	89.931,5	138,02
Đậu các loại	42,9	53,6	124,88

## CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Thực hiện tháng 01/2024 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 02/2024 so với tháng trước	Ước tính tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước	Chỉ số lũy kế 02 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>148,20</b>	<b>72,79</b>	<b>89,60</b>	<b>116,19</b>
<b>Phân theo ngành công nghiệp cấp 1 và cấp 2</b>				
<b>Khai khoáng</b>	<b>14,17</b>	<b>91,44</b>	<b>18,15</b>	<b>15,83</b>
- Khai khoáng khác	14,17	91,44	18,15	15,83
<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>150,37</b>	<b>71,40</b>	<b>88,49</b>	<b>116,45</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Sản xuất chế biến thực phẩm	119,33	79,22	93,57	106,39
- Sản xuất đồ uống	162,26	42,90	70,62	116,77
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	313,36	72,59	104,76	170,53
- Dệt	154,93	82,33	101,74	125,34
- Sản xuất trang phục	175,64	56,28	81,87	124,35
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	185,26	68,60	81,67	122,20
- Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tre nứa	205,91	62,00	86,17	134,42
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	117,64	77,07	71,59	91,91
- In, sao chép bản ghi các loại	182,98	63,61	97,29	136,30
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	174,98	83,52	81,83	115,27
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	178,32	71,51	103,95	137,35
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	122,41	90,12	96,92	108,84
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	128,57	80,17	100,73	114,49
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	139,96	75,88	91,86	114,17
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	101,13	86,59	87,23	94,17
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	149,47	69,78	93,04	119,65
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	209,85	64,28	120,72	162,81
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng...</b>	<b>127,62</b>	<b>83,99</b>	<b>103,09</b>	<b>115,11</b>
<i>Trong đó:</i> - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	127,64	84,02	103,12	115,14
<b>Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>118,19</b>	<b>106,82</b>	<b>104,01</b>	<b>110,42</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Khai thác xử lý và cung cấp nước	116,43	108,96	103,19	109,13
- Thoát nước và xử lý nước thải	99,85	84,51	90,54	95,36
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	125,07	101,26	107,43	115,53

## SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
- Cát tự nhiên khác	M <sup>3</sup>	2.374	2.170	4.544	18,15	15,83
- Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ ...	Tấn	85.060	79.725	164.785	104,97	110,30
- Mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền	Tấn	5.444	4.200	9.644	92,80	117,81
- Thức ăn cho gia súc	Tấn	10.337	8.173	18.510	65,76	76,34
- Thức ăn cho thủy sản	Tấn	64.667	52.216	116.883	98,38	106,61
- Bia đóng lon	1000 lít	6.068	2.150	8.218	61,32	114,86
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	17.219	12.500	29.719	104,76	170,53
- Áo khoác dài, áo khoác không tay,...	1000 cái	180,1	99,1	279,2	78,30	120,45
- Giày, dép thể thao có đế ngoài ...	1000 đôi	3.385	2.322	5.707	81,65	122,21
- Sản phẩm bằng vật liệu tét bện khác	1000 cái	2.857	1.792	4.649	83,39	132,79
- Phân khoáng hoặc phân hóa học ...	Tấn	2.496	2.088	4.584	62,53	119,91
- Bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy, rửa	Tấn	4.664	3.903	8.567	86,66	114,14
- Thuốc chứa penixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	14,5	11,5	26,0	86,53	114,97
- Dược phẩm chứa hoóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	81,3	52,0	133,3	135,91	171,87
- Tượng nhỏ và các sản phẩm trang trí bằng gốm, sứ khác	1000 chiếc	90,7	94,8	185,5	44,27	38,98
- Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng ...	Tấn	38.424	30.014	68.438	117,74	138,27
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M <sup>2</sup>	29.068	23.048	52.116	86,51	107,34
- Bơm tiêm có hoặc không có kim tiêm	1000 cái	13.110	7.200	20.310	173,49	257,09
- Điện thương phẩm	Triệu kWh	122,4	101,6	224,0	103,03	115,18
- Nước uống được	1000 M <sup>3</sup>	4.224	4.622	8.846	103,26	109,06
- Dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hoá học và sinh học	Triệu đồng	381,31	322,23	703,54	90,54	95,36
- Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	4.084	4.201	8.285	108,11	115,83

**THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XDCB THUỘC NGUỒN VỐN  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024 so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>254.195</b>	<b>177.072</b>	<b>431.267</b>	<b>10,14</b>	<b>81,93</b>
<b>1) Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>138.292</b>	<b>115.602</b>	<b>253.894</b>	<b>8,37</b>	<b>75,24</b>
- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh	10.251	8.648	18.899	4,12	72,50
<i>Trong đó: Nguồn thu từ tiền sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
- Nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW	40.963	28.417	69.380	12,75	58,44
- Nguồn vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
- Nguồn xổ số kiến thiết	38.457	36.972	75.429	5,36	69,25
- Vốn khác	48.621	41.565	90.186	16,02	107,72
<b>2) Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>115.903</b>	<b>61.470</b>	<b>177.373</b>	<b>14,52</b>	<b>93,87</b>
- Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	17.526	16.542	34.068	6,59	97,74
<i>Trong đó: Nguồn thu từ tiền sử dụng đất</i>	12.625	7.014	19.639	4,96	115,39
- Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư có mục tiêu	89.547	40.678	130.225	19,97	98,34
- Vốn khác	8.830	4.250	13.080	24,91	60,35
<b>3) Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
- Nguồn vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-		
<i>Trong đó: Nguồn thu từ tiền sử dụng đất</i>	-	-	-		
- Nguồn vốn huyện hỗ trợ đầu tư có mục tiêu	-	-	-		
- Vốn khác	-	-	-		

**DOANH THU**  
**BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.411.311</b>	<b>6.182.455</b>	<b>11.593.804</b>	<b>127,35</b>	<b>114,98</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>					
- Bán lẻ hàng hóa (*)	3.701.537	4.212.990	7.914.527	129,93	116,42
- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	755.064	869.187	1.624.251	126,70	115,63
- Du lịch lữ hành	16.329	18.887	35.217	129,38	114,30
- Dịch vụ khác	938.381	1.081.390	2.019.810	118,59	109,19

**Ghi chú:** (\*) Chưa tính doanh thu của các cơ sở sản xuất trực tiếp bán lẻ.

**DOANH THU BÁN LẺ HÀNG HÓA (\*)**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.701.537</b>	<b>4.212.990</b>	<b>7.914.527</b>	<b>129,93</b>	<b>116,42</b>
<b>Phân theo nhóm hàng</b>					
Lương thực, thực phẩm	1.602.551	1.851.839	3.454.390	136,34	119,13
Hàng may mặc	145.931	188.363	334.294	144,09	113,50
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	725.470	842.907	1.568.377	139,30	118,02
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	36.227	35.494	71.721	105,20	109,70
Gỗ và vật liệu xây dựng	163.970	160.096	324.066	109,21	115,44
Ô tô các loại	96.931	106.860	203.791	109,83	109,00
Phương tiện đi lại, trừ ô tô	155.452	169.915	325.367	115,65	112,82
Xăng dầu các loại	512.092	555.530	1.067.622	115,64	112,23
Nhiên liệu khác	35.730	39.038	74.768	110,27	109,08
Đá quý, kim loại và sản phẩm	107.082	127.594	234.676	133,12	114,93
Hàng hoá khác	57.998	66.742	124.740	128,39	113,18
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	62.103	68.612	130.715	114,11	109,38

**Ghi chú: (\*)** Chỉ gồm hoạt động thương nghiệp bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Chưa tính doanh thu của các cơ sở sản xuất trực tiếp bán lẻ.

## DOANH THU DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG VÀ DU LỊCH LỮ HÀNH

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>755.064</b>	<b>869.187</b>	<b>1.624.251</b>	<b>126,70</b>	<b>115,63</b>
Dịch vụ lưu trú	16.269	19.245	35.514	136,98	118,98
Dịch vụ ăn uống	738.795	849.942	1.588.737	126,49	115,56
<b>Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch</b>	<b>16.329</b>	<b>18.887</b>	<b>35.217</b>	<b>129,38</b>	<b>114,30</b>
<b>Dịch vụ tiêu dùng khác</b>	<b>938.381</b>	<b>1.081.390</b>	<b>2.019.810</b>	<b>118,59</b>	<b>109,19</b>



## DOANH THU VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với tháng trước (%)	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>170.034</b>	<b>325.733</b>	<b>109,21</b>	<b>126,48</b>	<b>114,85</b>
<b><i>Vận tải hành khách</i></b>	<b><i>85.884</i></b>	<b><i>163.597</i></b>	<b><i>110,51</i></b>	<b><i>137,27</i></b>	<b><i>118,75</i></b>
Đường bộ	79.972	152.272	110,61	137,66	118,86
Đường sông	5.912	11.325	109,20	132,12	117,23
Đường biển	-	-			
<b><i>Vận tải hàng hóa</i></b>	<b><i>75.289</i></b>	<b><i>145.070</i></b>	<b><i>107,89</i></b>	<b><i>117,44</i></b>	<b><i>111,26</i></b>
Đường bộ	55.105	106.031	108,21	119,75	112,51
Đường sông	20.184	39.039	107,05	111,56	108,00
Đường biển	-	-			
<b><i>Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải</i></b>	<b><i>8.861</i></b>	<b><i>17.066</i></b>	<b><i>107,99</i></b>	<b><i>114,29</i></b>	<b><i>110,41</i></b>

## VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA CỦA ĐỊA PHƯƠNG

	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với tháng trước (%)	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn hành khách)</b>	<b>3.680,1</b>	<b>7.026,4</b>	<b>109,98</b>	<b>131,43</b>	<b>117,25</b>
Đường bộ	2.697,9	5.143,4	110,32	131,21	117,10
Đường sông	982,2	1.883,0	109,04	132,05	117,68
Đường biển	-	-	...	...	...
<b>II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)</b>	<b>92.433</b>	<b>175.861</b>	<b>110,79</b>	<b>135,13</b>	<b>117,32</b>
Đường bộ	90.531	172.219	110,83	135,20	117,31
Đường sông	1.902	3.642	109,32	132,09	117,48
Đường biển	-	-	...	...	...
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>372,9</b>	<b>718,6</b>	<b>107,87</b>	<b>117,14</b>	<b>111,02</b>
Đường bộ	204,8	393,6	108,47	118,98	112,13
Đường sông	168,1	325,0	107,14	114,97	109,71
Đường biển	-	-	...	...	...
<b>II. Luân chuyển (Nghìn Tấn.Km)</b>	<b>41.015</b>	<b>78.960</b>	<b>108,09</b>	<b>116,89</b>	<b>110,92</b>
Đường bộ	23.468	45.075	108,61	119,14	112,16
Đường sông	17.546	33.884	107,40	114,01	109,31
Đường biển	-	-	...	...	...

## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

*Đơn vị tính: %*

	Chỉ số giá tháng 02/2024 so với				Chỉ số giá bình quân 02 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12/2023	Tháng trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>112,16</b>	<b>102,33</b>	<b>101,69</b>	<b>101,09</b>	<b>102,04</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	118,06	102,89	101,58	101,23	102,49
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	133,97	117,12	102,40	100,78	117,65
Thực phẩm	113,32	99,84	100,49	101,00	99,12
Ăn uống ngoài gia đình	123,69	104,30	104,30	102,15	104,40
Đồ uống và thuốc lá	107,22	101,68	101,55	101,08	101,14
May mặc, giày dép và mũ nón	108,52	102,17	102,10	101,56	101,38
Nhà ở và vật liệu xây dựng	112,98	105,60	103,84	101,68	105,26
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,01	100,14	100,07	100,00	100,14
Thuốc và dịch vụ y tế	111,88	109,38	100,00	100,00	109,38
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	113,82	110,98	100,00	100,00	110,98
Giao thông	110,12	101,25	103,19	102,80	101,02
Bưu chính viễn thông	99,97	100,00	100,00	100,00	100,00
Giáo dục	112,45	82,86	100,00	100,00	82,86
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	112,75	78,28	100,00	100,00	78,28
Văn hóa, giải trí và du lịch	101,38	100,32	100,13	100,13	100,25
Hàng hóa và dịch vụ khác	113,00	105,54	101,68	100,46	105,31
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>165,79</b>	<b>116,45</b>	<b>103,86</b>	<b>101,58</b>	<b>116,23</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>105,60</b>	<b>103,27</b>	<b>100,81</b>	<b>100,37</b>	<b>103,19</b>

## HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Đơn vị tính: Tấn, 1000 USD

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng trị giá</b>	<b>72.683,9</b>	<b>52.037,1</b>	<b>124.721,0</b>	<b>96,50</b>	<b>135,15</b>
<b>Mặt hàng chủ yếu</b>					
- Hàng thủy sản	-	-	-	-	-
- Hàng rau quả	1.407,7	1.083,7	2.491,4	103,63	141,81
- Gạo	-	-	-	...	...
- Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	2.627,8	1.873,0	4.500,8	124,97	158,92
- Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	3.709,5	2.085,0	5.794,5	53,42	101,62
- Xơ, sợi dệt các loại	-	-	-	...	...
- Hàng dệt may	4.564,3	4.270,4	8.834,7	71,63	92,88
- Giày dép các loại	45.708,4	32.000,0	77.708,4	102,84	132,44
- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	79,5	42,0	121,5	46,41	70,39
- Sản phẩm gốm, sứ	862,4	568,2	1.430,6	96,29	112,11
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	-	-	-	...	...
- Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	111,3	78,0	189,3	3,85	5,43
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	11.746,6	8.886,8	20.633,4	209,91	486,51
- Hàng hóa khác	1.866,4	1.150,0	3.016,4	123,32	193,33

## HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Đơn vị tính: Tấn, 1000 USD

	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Cộng dồn 02 tháng đầu năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng trị giá</b>	<b>29.265,0</b>	<b>27.620,2</b>	<b>56.885,2</b>	<b>68,32</b>	<b>95,03</b>
<b>Mặt hàng chủ yếu</b>					
- Lúa mì	-	-	-	...	...
- Nguyên liệu chế biến TAGS	3.242,1	3.095,2	6.337,3	138,22	150,54
- Dược phẩm và nguyên phụ liệu dược phẩm	1.377,2	918,0	2.295,2	86,51	137,82
- Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	138,1	72,0	210,1	17,77	28,01
- Gỗ và sản phẩm từ gỗ	-	1.805,0	1.805,0	...	...
- Vải các loại	7.471,7	7.349,4	14.821,1	179,24	207,90
- Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	10.670,9	9.460,0	20.130,9	62,61	75,21
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	-	-	-	...	...
- Máy móc, TB, PT khác	912,8	795,0	1.707,8	60,63	61,87
- Dây điện và dây cáp điện	727,7	550,7	1.278,4	347,44	806,78
- Linh kiện và phụ tùng ô tô các loại	4.724,0	3.574,9	8.298,9	144,30	334,98
- Hàng hóa khác	0,5	-	0,5	-	-

## THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

	Ước tính tháng 02 năm 2024	Ước tính 02 tháng đầu năm 2024	Đơn vị tính: Triệu đồng	
			02 tháng đầu năm 2024 so với (%)	
			Dự toán năm 2024	Cùng kỳ năm 2023
<b>TỔNG THU (A+B)</b>	<b>490.000</b>	<b>1.773.805</b>	<b>29,82</b>	<b>136,87</b>
<b>A. Thu nội địa</b>	<b>486.000</b>	<b>1.743.971</b>	<b>29,57</b>	<b>143,76</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Thu từ DNNN Trung ương	12.000	36.763	20,42	142,60
- Thu từ DNNN địa phương	3.000	87.646	46,13	80,59
- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	28.500	154.645	52,96	132,64
- Thu thuế công thương nghiệp NQD	106.000	305.286	22,28	79,23
- Thu xổ số kiến thiết	166.000	752.780	41,11	333,21
- Thu tiền sử dụng đất	40.000	109.043	15,58	115,94
- Thu thuế thu nhập cá nhân	59.500	124.582	22,65	84,53
- Thu phí, lệ phí	8.200	23.796	28,00	115,46
<b>B. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>4.000</b>	<b>29.834</b>	<b>59,08</b>	<b>36,00</b>

## CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Ước tính tháng 02 năm 2024	Ước tính 02 tháng đầu năm 2024	02 tháng đầu năm 2024 so với (%)	
			Dự toán năm 2024	Cùng kỳ năm 2023
<b>TỔNG CHI (A+B+C)</b>	<b>710.425</b>	<b>1.325.647</b>	<b>11,98</b>	<b>145,57</b>
<b>A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>670.531</b>	<b>1.280.633</b>	<b>11,83</b>	<b>140,63</b>
- Chi đầu tư phát triển	210.106	390.106	8,90	188,39
- Chi thường xuyên	460.425	886.697	14,25	126,03
<i>Trong đó:</i>				
+ Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	180.000	366.077	13,60	120,14
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	500	863	2,85	136,77
+ Các khoản chi thường xuyên khác	279.925	519.757	14,85	130,51
<i>Trong đó:</i>				
Chi sự nghiệp y tế - KHHGD	25.000	47.636	...	126,66
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	38.000	87.559	...	97,17
Chi sự nghiệp kinh tế	22.000	34.001	...	100,69
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	85.000	180.561	...	117,91
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	...
- Dự phòng	-	-	-	...
- Chi trả nợ lãi	-	3.830	19,64	...
<b>B. Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>39.894</b>	<b>39.894</b>	<b>17,26</b>	<b>...</b>
<b>C. Chi trả nợ gốc</b>	<b>-</b>	<b>5.120</b>	<b>51,20</b>	<b>...</b>

## TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

	Số bộ tháng 02 năm 2024	Lũy kế đến tháng 02 năm 2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	02 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>				
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>125,00</b>	<b>160,00</b>
Đường bộ	9	22	112,50	146,67
Đường thủy nội địa	1	2	-	-
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>8</b>	<b>19</b>	<b>114,29</b>	<b>135,71</b>
Đường bộ	7	18	100,00	128,57
Đường thủy nội địa	1	1	-	-
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>8</b>	<b>18</b>	<b>114,29</b>	<b>225,00</b>
Đường bộ	8	18	114,29	225,00
Đường thủy nội địa	-	-	...	...
<b>Cháy, nổ</b>				
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	2	-	-
Số người chết (Người)	-	-	...	...
Số người bị thương (Người)	-	-	...	...
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	620	620	-	-